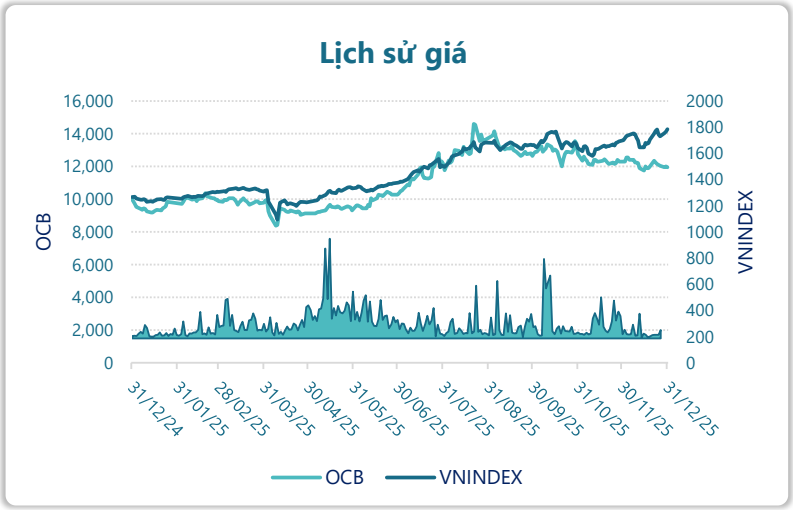
FireAnt

Ngân hàng TMCP Phương Đông (HSX: OCB)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,950**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,379
SL cổ phiếu LH	2,663,052,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,844,029
% sở hữu nước ngoài	19.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	31,823
P/E	7.9
EPS	1,513

DT thuần

Q4/25

-3,309

tỷ VNĐ

QoQ: ▼267| -8.8%

YoY: ▼855| -34.9%

LN sau thuế

Q4/25

9.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.15|

YoY: ▲ 9.15|

Tỷ suất lãi EBIT

2025

20.3%

+/- YoY: ▼ 3.8%

DT thuần

2025

-11,869

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,521| -27.0%

LN sau thuế

2025

9.15

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.15|

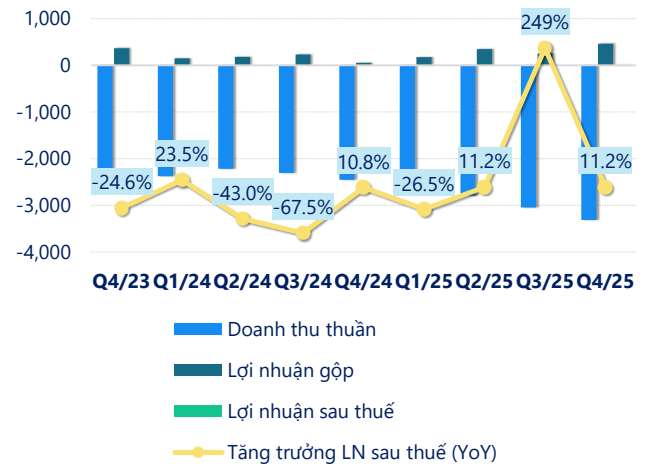
ROE

2025

#VALUE!

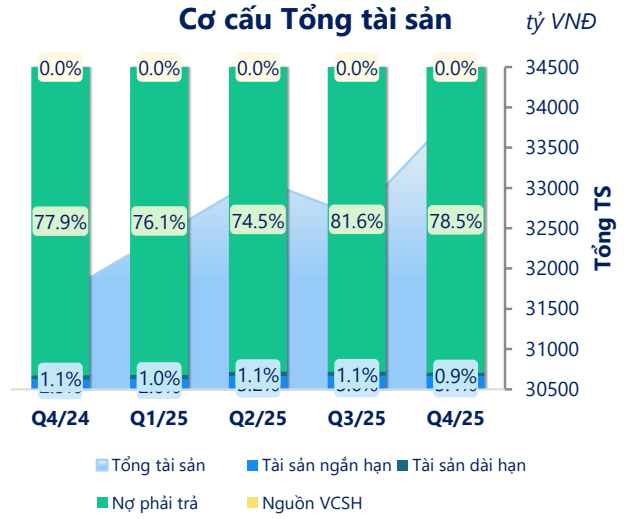
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



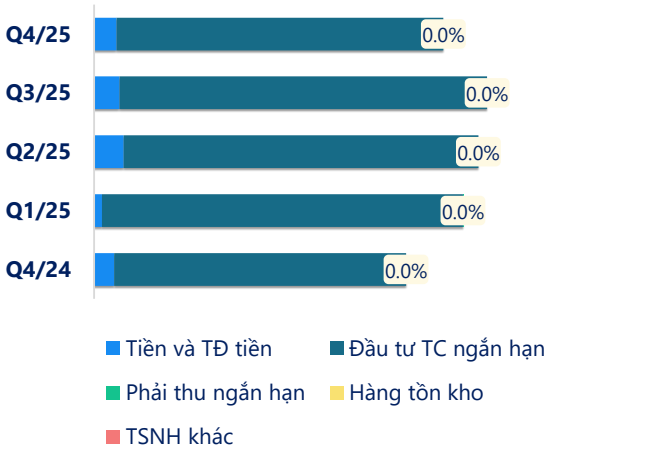
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



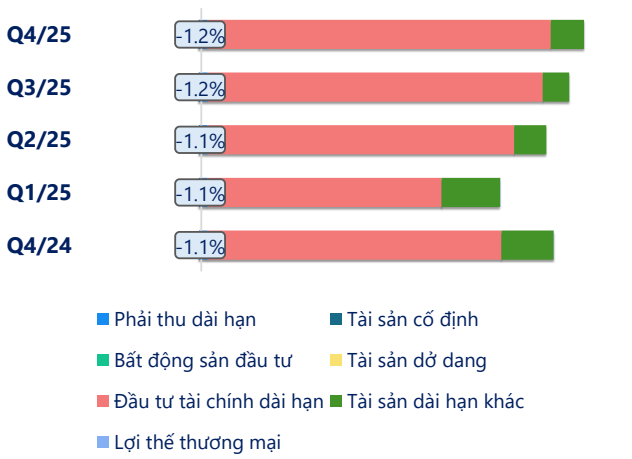
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



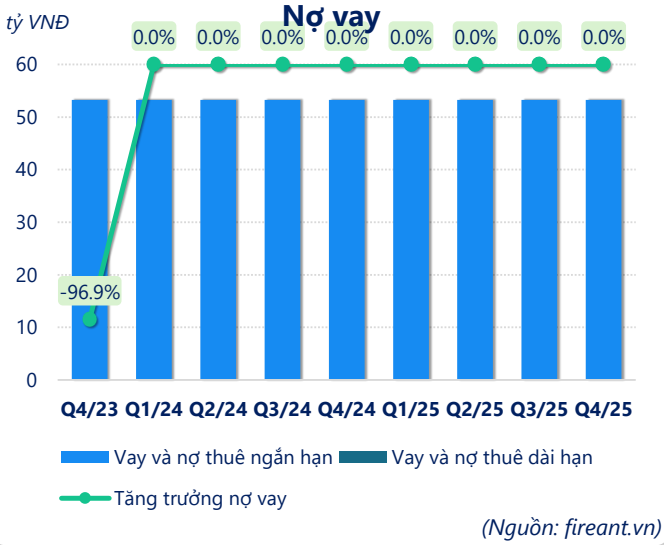
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



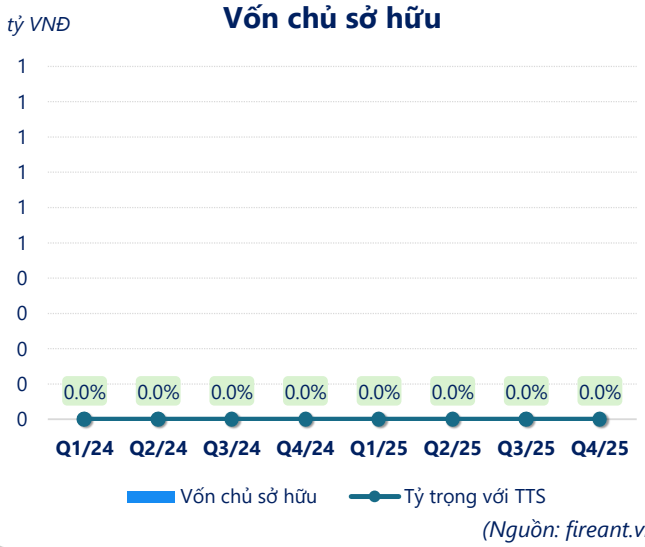
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



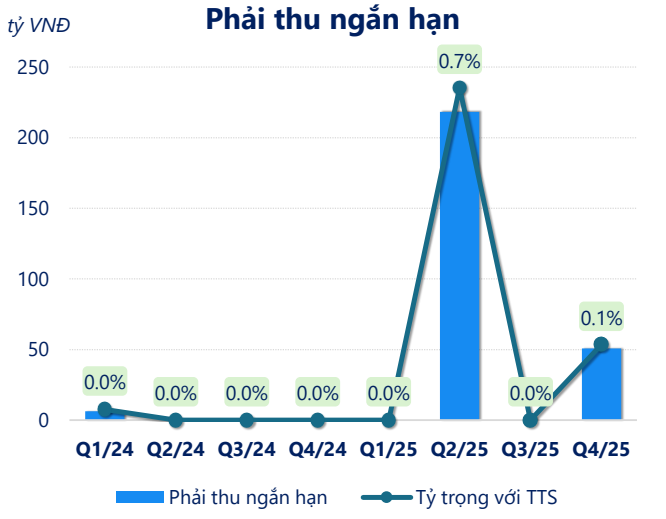
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



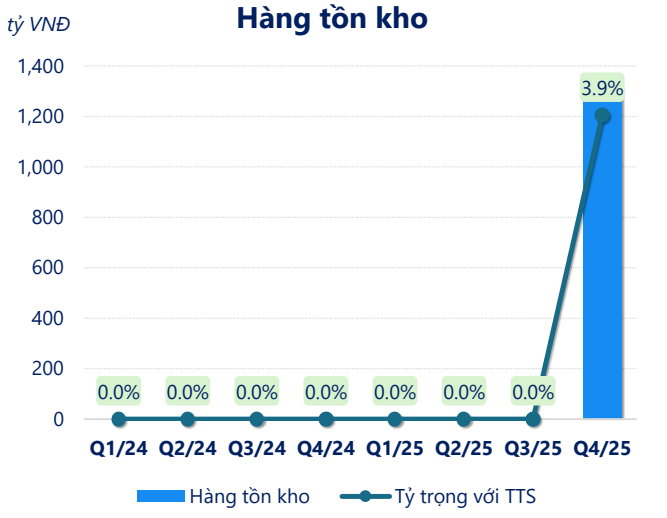
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



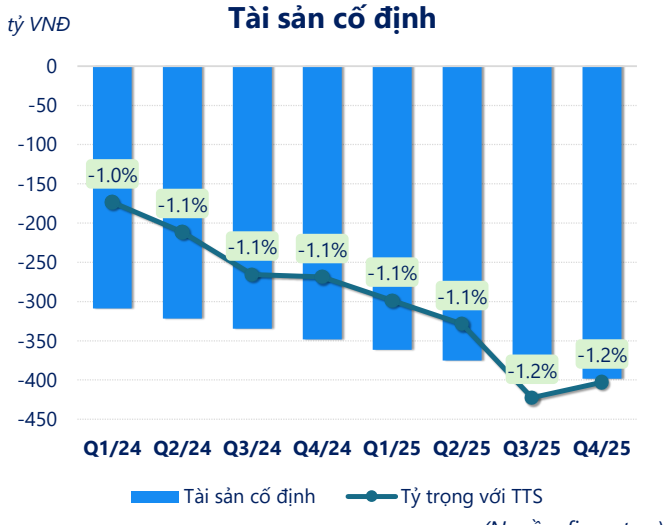
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



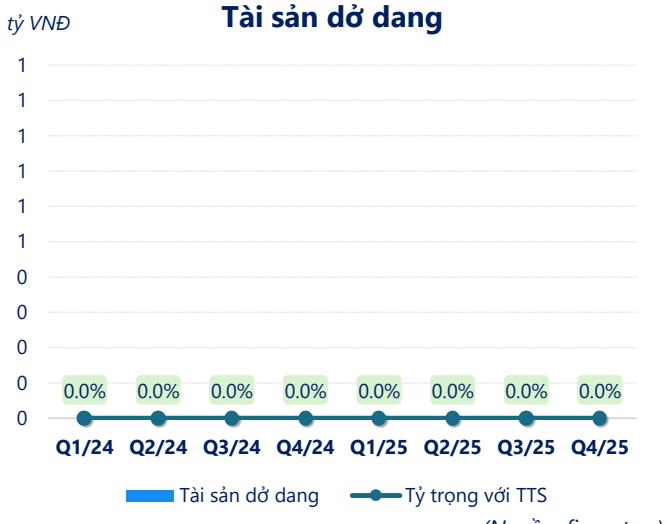
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



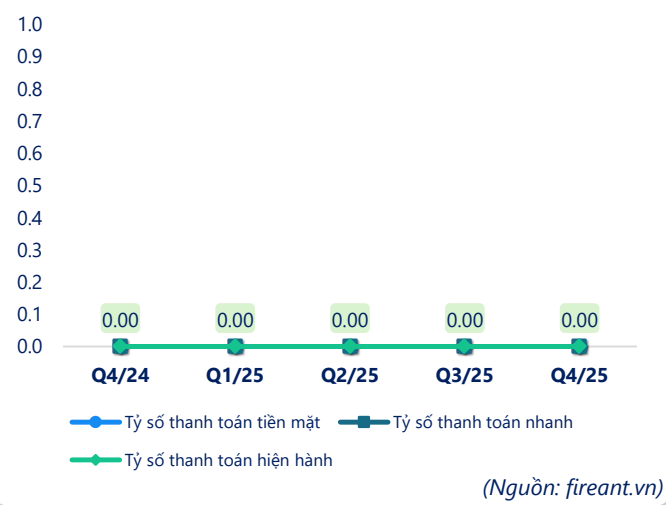
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



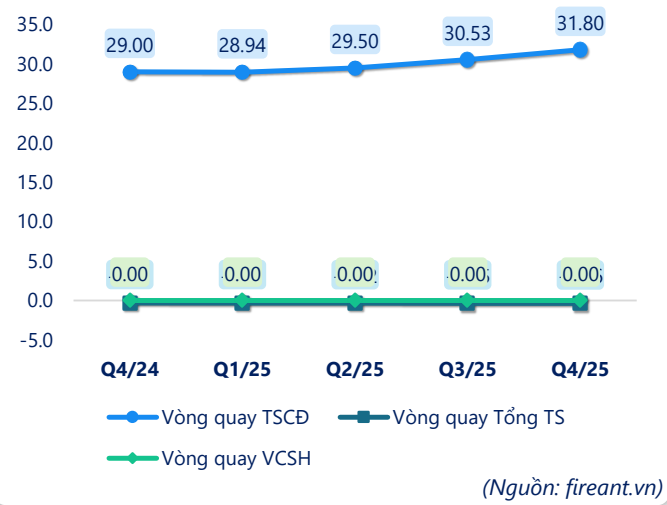
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**31,672**	**32,388**	**33,114**	**32,648**	**33,943**
Tài sản ngắn hạn	**788**	**832**	**1,066**	**1,191**	**1,160**
Tiền và tương đương tiền	2,377	954	3,680	3,139	2,883
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38,923	38,520	47,725	51,475	52,952
Phải thu ngắn hạn	0	0	218	0	50.8
Hàng tồn kho	0	0	0	0	1,313
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**341**	**334**	**358**	**365**	**298**
Phải thu dài hạn	898	910	952	962	936
Tài sản cố định	-348	-361	-375	-387	-398
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	43,798	35,658	47,752	51,441	54,810
Tài sản dài hạn khác	7,794	8,923	4,991	4,050	5,361
Lợi thế thương mại	0.99	0.57	0	0	0
Nợ phải trả	**24,658**	**24,658**	**24,658**	**26,631**	**26,631**
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.3	53.3	53.3	53.3	53.3
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)